

QUYẾT ĐỊNH

V/v chi chuyển nguồn một số nguồn kinh phí còn lại chưa sử dụng từ năm 2022 sang năm 2023 để tiếp tục theo dõi, quản lý, sử dụng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 409/TTr-STC ngày 29/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi chuyển nguồn đối với một số nguồn kinh phí trung ương bổ sung có mục tiêu từ năm 2022 sang năm 2023 **với số tiền 13.153.845.629 đồng** để tiếp tục theo dõi, quản lý (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc chuyển nguồn kinh phí nêu tại Điều 1 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số (I+II)	13.153.845.629	
I	Chương trình Mục tiêu quốc gia	7.949.379.141	
1	Chương trình giảm nghèo bền vững	3.311.926.000	
2	Chương trình Xây dựng nông thôn mới	4.636.588.141	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	865.000	
II	Nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	5.204.466.488	
1	Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022	2.945.945.288	
2	Vốn dự bị động viên	754.760.000	
3	Kinh phí Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính	402.812.000	
4	Kinh phí hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021	327.631.000	
5	Kinh phí thực hiện hỗ trợ thiệt hại về nhà ở của người dân trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị quyết 165/NQ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ	130.000.000	
6	Kinh phí thực hiện chính sách phát triển thủy sản theo ND số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ	643.318.200	